

KẾ HOẠCH

Bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT*).

UBND thành phố ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Huế (*sau đây gọi tắt là Chương trình*).

b) Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng và phương pháp tổ chức thực hiện Chương trình cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; cán bộ thôn, tổ dân phố, Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; hợp tác xã, chủ thể OCOP, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư; góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy người học làm trung tâm; tăng cường ứng dụng công nghệ số, gắn lý thuyết với thực tiễn, phát huy hiệu quả các mô hình điển hình, kinh nghiệm hay trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế nông thôn.

d) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có

đủ năng lực tổ chức triển khai Chương trình, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

a) Việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn phải bám sát mục tiêu, nội dung, nhóm đối tượng và định hướng của Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT; đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu triển khai Chương trình trên địa bàn thành phố Huế.

b) Công tác bồi dưỡng, tập huấn được triển khai theo kế hoạch hằng năm trên cơ sở kết quả rà soát nhu cầu của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan; ưu tiên lựa chọn các chuyên đề đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phục vụ trực tiếp công tác tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình và các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương.

c) Nội dung bồi dưỡng, tập huấn phải bảo đảm tính cập nhật, thiết thực, dễ áp dụng; kết hợp hài hòa giữa phổ biến chủ trương, chính sách, hướng dẫn chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ với trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, tham quan mô hình, hướng dẫn thực hành và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

d) Đa dạng hóa hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn; kết hợp giữa đào tạo trực tiếp, trực tuyến, đào tạo tại chỗ, phương thức "cầm tay chỉ việc", tham quan học tập kinh nghiệm và các hình thức phù hợp khác; khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong tổ chức lớp học và quản lý kết quả bồi dưỡng.

đ) Phát huy vai trò phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia và các tổ chức có liên quan; bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tránh trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng khác.

e) Việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn phải được theo dõi, đánh giá thường xuyên; kết quả triển khai là một trong những căn cứ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá chất lượng thực hiện Chương trình và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn trong các năm tiếp theo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Triển khai hiệu quả Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT nhằm nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng và phương pháp tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ cơ sở, các tổ chức kinh tế và cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Huế.

b) Thông qua công tác bồi dưỡng, tập huấn góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân, tăng cường năng lực của hệ thống chính trị cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

a) 100% cán bộ tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của thành phố và cấp xã được cập nhật, bồi dưỡng kiến thức về chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, chuẩn nghèo đa chiều, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, quản lý nguồn lực, theo dõi, đánh giá và các nội dung mới của Chương trình.

b) Ít nhất 95% cán bộ cấp xã trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG; 100% trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (nếu được giao nhiệm vụ), thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn về quy trình tổ chức thực hiện Chương trình, giám sát cộng đồng, truyền thông và huy động sự tham gia của người dân.

c) Phần đầu ít nhất 65% số xã/phường trên địa bàn thành phố tổ chức định kỳ các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn hoặc hướng dẫn tại cộng đồng cho người dân về các nội dung của Chương trình; phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi số, OCOP, bảo vệ môi trường, phát triển sinh kế, tư duy phát triển nông thôn hiện đại và quản trị cộng đồng.

d) 100% kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm của thành phố được xây dựng trên cơ sở kết quả rà soát nhu cầu của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và bám sát Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT.

đ) 100% các lớp bồi dưỡng, tập huấn được tổ chức theo đúng đối tượng, nội dung chuyên đề, tài liệu và hình thức phù hợp; có đánh giá kết quả, tổng hợp ý kiến học viên và lưu trữ hồ sơ phục vụ công tác theo dõi, đánh giá.

III. NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN

1. Đối tượng bồi dưỡng, tập huấn

a) Nhóm cán bộ tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình ở cấp tỉnh

Cán bộ đang làm việc thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được giao nhiệm vụ liên quan đến xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cán bộ của cơ quan thường trực, cơ quan được giao nhiệm vụ làm đầu mối tổ chức thực hiện

Chương trình ở cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Nhóm cán bộ cấp xã, cán bộ thôn và các lực lượng tham gia thực hiện Chương trình tại cơ sở

- Cán bộ cấp xã được giao nhiệm vụ tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, giám sát, truyền thông và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.

- Cán bộ thuộc Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; các tổ chức, lực lượng được giao hoặc tham gia thực hiện Chương trình tại cơ sở.

- Bí thư Chi bộ thôn, trưởng thôn; thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng; trưởng ban công tác Mặt trận; trưởng chi hội, đoàn thể ở thôn; nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng, thanh niên khởi nghiệp, tuyên truyền viên, cộng tác viên, tổ khuyến nông cộng đồng và các lực lượng nòng cốt ở cơ sở.

- Cán bộ hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác, chủ trang trại, nông dân tiêu biểu, chủ thể OCOP.

c) Nhóm cộng đồng dân cư và người dân

Người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và các chủ thể khác có liên quan trên địa bàn thực hiện Chương trình; ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người có uy tín, nhóm dễ bị tổn thương tại các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

2. Nội dung khung chương trình

- Các lớp bồi dưỡng, tập huấn được tổ chức theo nội dung của Khung chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Căn cứ nhu cầu thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương, hằng năm lựa chọn các chuyên đề phù hợp để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn; không bắt buộc triển khai toàn bộ các chuyên đề trong cùng một năm.

a) Nguyên tắc lựa chọn chuyên đề ưu tiên triển khai

- Danh mục này được xây dựng trên cơ sở 33 chuyên đề thuộc Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT ngày 09/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đây là danh mục chuyên đề ưu tiên để các cơ quan, đơn vị và địa phương lựa chọn tổ chức bồi dưỡng, tập huấn hằng năm; không thay thế Khung chương trình của Bộ.

- Hằng năm, căn cứ nhu cầu thực tế của các sở, ban, ngành và UBND cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND thành phố lựa chọn

các chuyên đề phù hợp để tổ chức triển khai.

- Ngoài các chuyên đề ưu tiên dưới đây, tùy yêu cầu thực tiễn hoặc theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố có thể tổ chức các chuyên đề khác trong Khung chương trình.

b) Phân nhóm ưu tiên triển khai

*** Nhóm ưu tiên cấp I (Tổ chức thường xuyên hằng năm)**

Gồm 07 chuyên đề: (1) Tổng quan Chương trình; (2) Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM hiện đại; (3) Chuẩn nghèo đa chiều; (4) Định hướng xây dựng xã nông thôn mới hiện đại; (5) Cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình; (6) Theo dõi, đánh giá, báo cáo, kiểm tra và quản lý dữ liệu Chương trình; (7) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đây là nhóm chuyên đề nền tảng, ưu tiên bố trí trong kế hoạch hằng năm vì phục vụ trực tiếp công tác quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình.

*** Nhóm ưu tiên cấp II (Tổ chức theo nhu cầu)**

Gồm 13 chuyên đề: (1) Quy hoạch và GIS; (2) Điện nông thôn và phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo; (3) Hạ tầng thương mại điện tử, logistics,...; (4) Phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái,...; (5) Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã,...; (6) Phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn,...; (7) Sơ chế, chế biến, bảo quản và phát triển chuỗi giá trị nông sản; (8) Phát triển sinh kế, hỗ trợ sản xuất,...; (9) Bảo vệ môi trường ...; (10) Phát huy vai trò MTTQVN ...; (11) Lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng; (12) Kỹ năng, nghiệp vụ về phát triển cộng đồng; (13) Kỹ năng truyền thông số.

Các chuyên đề này được lựa chọn căn cứ nhu cầu đăng ký của địa phương hoặc yêu cầu thực tiễn trong từng năm.

*** Nhóm chuyên đề còn lại**

Các chuyên đề còn lại trong Khung chương trình của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được tổ chức khi:

- Có nhu cầu từ các sở, ngành hoặc địa phương.
- Có chỉ đạo của Trung ương hoặc của UBND thành phố.
- Phục vụ các chương trình, đề án chuyên đề hoặc mô hình thí điểm.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.)

3. Thời lượng, hình thức và phương pháp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

a) Thời lượng tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

Thời lượng từng lớp bồi dưỡng, tập huấn được xác định phù hợp với nội dung chuyên đề, nhóm đối tượng và yêu cầu thực tiễn; bảo đảm theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và kế hoạch hằng năm của UBND thành phố.

b) Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

- Bồi dưỡng, tập huấn trực tiếp;
- Bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến;
- Bồi dưỡng, tập huấn kết hợp trực tiếp và trực tuyến;
- Tọa đàm, hội thảo, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, lớp cập nhật chuyên đề.
- Tập huấn tại chỗ, hướng dẫn thực hành, “cầm tay chỉ việc” tại xã, thôn, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, mô hình sản xuất, kinh doanh, mô hình giảm nghèo, mô hình xây dựng nông thôn mới.
- Tham quan, học tập kinh nghiệm, khảo sát thực tế trong nước; trường hợp cần thiết, việc học tập kinh nghiệm quốc tế thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Phương pháp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

- Phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm; tăng cường trao đổi hai chiều, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành tại hiện trường, tham quan mô hình và phương thức "cầm tay chỉ việc", bảo đảm học viên có thể vận dụng ngay kiến thức vào thực tiễn.
- Khuyến khích ứng dụng nền tảng số, học liệu điện tử, bài giảng trực tuyến và các công cụ hỗ trợ đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng, tập huấn.
- Việc đánh giá kết quả bồi dưỡng, tập huấn cần thực hiện theo hướng thực chất, không chỉ dựa trên số lượng lớp, số lượt học viên tham gia, mà cần xem xét mức độ tiếp thu, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào nhiệm vụ được giao và phản hồi của người học.

4. Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn

a) Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn

- Sử dụng thống nhất tài liệu bồi dưỡng, tập huấn do Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG và các bộ, ngành Trung ương biên soạn hoặc tài liệu chuyên ngành do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Trường hợp cần thiết, căn cứ yêu cầu thực tiễn của thành phố Huế, các cơ quan chủ trì có thể biên soạn tài liệu bổ trợ, tình huống thực tiễn, mô hình điển hình và các chuyên đề địa phương để phục vụ giảng dạy, bảo đảm không làm thay đổi nội dung cốt lõi của Khung chương trình.

b) Giảng viên, báo cáo viên

Giảng viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy gồm:

- Giảng viên, báo cáo viên của các bộ, ngành Trung ương;
- Chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu;
- Báo cáo viên cấp tỉnh, cấp thành phố;

- Cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức thực hiện Chương trình;
- Các chuyên gia, doanh nhân, chủ thể OCOP, hợp tác xã tiêu biểu và các cá nhân có mô hình, sáng kiến hiệu quả được mời tham gia trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

5. Phạm vi thực hiện

- Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn thành phố Huế.
- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng bố trí nguồn lực, hằng năm UBND thành phố phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn; xác định nhóm đối tượng, chuyên đề, quy mô, thời gian và địa điểm tổ chức phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình tại từng địa phương, đơn vị.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, xác định nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn

a) Hằng năm, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, đánh giá nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của từng nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý; xác định nội dung, chuyên đề, số lượng học viên, thời gian và hình thức tổ chức phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Việc rà soát nhu cầu phải bảo đảm bám sát chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; phù hợp với tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

c) Kết quả rà soát là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm; đồng thời phục vụ công tác tổng hợp, bố trí nguồn lực và tổ chức triển khai thống nhất trên địa bàn thành phố.

2. Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm

a) Căn cứ Kế hoạch này, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

b) Kế hoạch hằng năm phải xác định rõ: Mục tiêu; Đối tượng; Nội dung chuyên đề; Quy mô lớp học; Thời gian; Địa điểm; Đơn vị chủ trì, phối hợp; Dự toán kinh phí; Tiến độ thực hiện.

c) Việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; ưu tiên các địa bàn đang thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới hiện đại, các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

a) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo Khung chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT; lựa chọn chuyên đề phù hợp với từng nhóm đối tượng và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

b) Ưu tiên các chuyên đề phục vụ trực tiếp công tác tham mưu, quản lý, tổ chức

thực hiện Chương trình; các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển kinh tế nông thôn, Chương trình OCOP, chuyển đổi số, phát triển du lịch nông thôn, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm nghèo bền vững.

c) Khuyến khích tổ chức các lớp chuyên đề chuyên sâu, tập huấn theo chuyên ngành hoặc theo nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiệu quả tiếp thu và khả năng vận dụng vào thực tiễn.

4. Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức bồi dưỡng, tập huấn

a) Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động của học viên; tăng cường trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

b) Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành; tăng cường tổ chức học tập tại mô hình, tham quan thực tế, phương thức "*cầm tay chỉ việc*", tọa đàm, diễn đàn chuyên đề và các hình thức học tập phù hợp.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý lớp học, cung cấp học liệu điện tử, tổ chức lớp học trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn.

5. Phát triển đội ngũ giảng viên, báo cáo viên

a) Phát huy đội ngũ giảng viên, báo cáo viên của các bộ, ngành Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các cơ quan chuyên môn của thành phố.

b) Mời các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP tiêu biểu, các cá nhân có mô hình hiệu quả tham gia giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm và hướng dẫn thực hành.

c) Từng bước xây dựng đội ngũ báo cáo viên của thành phố có đủ năng lực tham gia giảng dạy các chuyên đề phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

6. Tăng cường phối hợp và huy động nguồn lực

a) Phát huy vai trò phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.

b) Tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan nhằm huy động nguồn lực, chuyên gia và kinh nghiệm phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn.

c) Lồng ghép hiệu quả với các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng khác để tránh trùng lặp, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

7. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả

a) Tăng cường kiểm tra việc xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn tại các cơ quan, đơn vị và địa phương; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Thực hiện đánh giá kết quả từng lớp bồi dưỡng, tập huấn thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của học viên, đánh giá chất lượng giảng viên, nội dung chương trình và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, đồng thời kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường hoàn thành tài liệu chuyên đề đã xây dựng, cập nhật trong năm (nếu có) và báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn (báo cáo phải cung cấp đầy đủ các thông tin về kế hoạch, tài liệu, số lượng lớp, nhóm đối tượng, số lượt học viên, giảng viên, hình thức tổ chức, kết quả đánh giá và phản hồi sau tập huấn) gửi Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, để tổng hợp chung.

2) Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố báo cáo UBND thành phố và cơ quan Trung ương theo quy định.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Nguồn kinh phí bao gồm:

- Ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp quản lý.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành.

- Nguồn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

- Nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành và các quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia.

Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức bồi dưỡng, tập huấn có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố, có trách nhiệm:

- Tham mưu Ban Chỉ đạo và UBND thành phố chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn thành phố.

- Chỉ đạo Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch; bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình triển khai.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND thành phố bố trí, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch theo quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện thuộc lĩnh vực được phân công.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trường đại học và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cập nhật tài liệu, giới thiệu giảng viên, báo cáo viên và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn.

- Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung bồi dưỡng, tập huấn với các chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, môi trường và phát triển nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để tham mưu Ban Chỉ đạo và UBND thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố

Là cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố và Sở Nông nghiệp và Môi trường, là đầu mối, chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn theo Kế hoạch; có trách nhiệm:

- Chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Chủ trì chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu, phối hợp lựa chọn giảng viên, báo cáo viên và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo Khung chương trình của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai Kế hoạch.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác bồi dưỡng, tập huấn trên địa bàn thành phố, bao gồm kế hoạch, tài liệu, số lượng lớp, nhóm đối tượng, số lượt học

viên, giảng viên, hình thức tổ chức, kết quả đánh giá và phản hồi sau tập huấn.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo; tham mưu sơ kết, tổng kết, đề xuất điều chỉnh kế hoạch hằng năm và giai đoạn khi cần thiết.

3. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và quy định hiện hành.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch đúng quy định; phối hợp kiểm tra việc sử dụng kinh phí bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp nghiên cứu lồng ghép các nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố.

5. Các sở, ban, ngành

- Chủ động rà soát nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của cán bộ thuộc phạm vi quản lý; đăng ký nội dung chuyên đề phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các chuyên đề thuộc lĩnh vực chuyên môn khi được giao.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chương trình và Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

- Phối hợp vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tổ chức thành viên và cộng đồng dân cư tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và vai trò chủ thể của Nhân dân trong thực hiện Chương trình.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, phối hợp đề xuất nội dung chuyên đề, giới thiệu báo cáo viên, chia sẻ mô hình, kinh nghiệm thực tiễn và tham gia tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn khi được phân công.

7. UBND các xã, phường

- Tổ chức rà soát nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của cán bộ, công chức, người

hoạt động không chuyên trách, cán bộ thôn, tổ dân phố, Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, hợp tác xã, chủ thể OCOP và cộng đồng dân cư.

- Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo hướng dẫn của Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố; cử đúng đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn; gắn kết quả tập huấn với thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở cơ sở.

- Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu, biểu mẫu, hồ sơ phục vụ thực hành, theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác bồi dưỡng, tập huấn và thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Phối hợp chuẩn bị điều kiện tổ chức các lớp học tại địa phương khi được giao; tạo điều kiện để học viên tham gia đầy đủ và vận dụng hiệu quả kiến thức sau bồi dưỡng.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố theo quy định.

8. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và chuyên gia

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố tham gia biên soạn, cập nhật tài liệu; cử giảng viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy theo chuyên đề.

- Chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả; hỗ trợ tư vấn chuyên môn, chuyển giao kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- VPĐP TW Chương trình MTQG;
- Thường trực Thành ủy, HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;
- VPĐP Chương trình MTQG thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VP: CVP, các PCVP;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, XDCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục I.

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 509 /KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, đánh giá nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của từng nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý; xác định nội dung, chuyên đề, số lượng học viên, thời gian và hình thức tổ chức phù hợp với yêu cầu thực tiễn.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố	Quý IV hằng năm
2	Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thực hiện Chương trình hằng năm.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý IV hằng năm
3	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn thực hiện Chương trình theo Kế hoạch đã phê duyệt.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Theo Kế hoạch
4	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác bồi dưỡng, tập huấn trên địa bàn thành phố Huế, bao gồm kế hoạch, tài liệu, số lượng lớp, nhóm đối tượng, số lượt học viên, giảng viên, hình thức tổ chức, kết quả đánh giá và phản hồi sau tập huấn.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2027
5	Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả quá trình thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thực hiện Chương trình.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hằng năm
6	Tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả triển khai Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thực hiện Chương trình.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hằng năm
7	Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thực hiện Chương trình.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2028, 2030

Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC CHUYÊN ĐỀ ƯU TIÊN BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN
TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 509 /KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
1	NHÓM CHUYÊN ĐỀ CHUNG		
1.1	CĐ-01: Tổng quan Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: 2026 - 2030	- Bối cảnh mới, những chủ trương, chính sách, chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước và hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình; - Sự cần thiết tích hợp ba chương trình MTQG; các điểm mới của Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030; - Mối quan hệ giữa mục tiêu, đối tượng, nội dung xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; - Cấu trúc 02 hợp phần và các nội dung thành phần của Chương trình; vai trò, trách nhiệm của các cơ quan liên quan ở trung ương và địa phương; - Yêu cầu bảo đảm hiệu quả, chất lượng, thực chất, bền vững, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư; - Những vấn đề trọng tâm cần lưu ý khi tham mưu, lập kế hoạch, triển khai, theo dõi, đánh giá và truyền thông Chương trình ở địa phương; - Vai trò, trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong triển khai thực hiện Chương trình.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố
1.2	CĐ-02: Tổng quan Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và công tác xét, công nhận, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	- Cấu trúc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026 - 2030; những điểm mới về phân nhóm xã, mức độ đạt chuẩn, phân cấp, trao quyền và lượng hóa; - Nguyên tắc áp dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí ở địa phương; trách nhiệm hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương; - Điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục và hồ sơ xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt NTM hiện đại; - Chuẩn bị hồ sơ, số liệu, minh chứng; tự đánh giá, thẩm tra, thẩm định, lấy ý kiến người dân, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận; - Kiểm tra sau công nhận; duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí; bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất, không chạy theo thành tích.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
1.3	CĐ-03: Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, rà soát hộ nghèo và quản lý dữ liệu giảm nghèo giai đoạn 2026 - 2030	- Quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 và đo lường các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; - Quy trình rà soát, xác định, công nhận, cập nhật và quản lý danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ở cấp xã, thôn; - Quản lý, cập nhật và sử dụng dữ liệu giảm nghèo phục vụ lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực, theo dõi, đánh giá và phòng ngừa tái nghèo; - Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và phản ánh đúng mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, điều kiện sống của hộ dân; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá nội dung tiêu chí 6.1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG thành phố
1.4	CĐ-04: Các vấn đề trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030	- Phân định vùng đồng bào DTTS&MN; tiêu chí phân định thôn, xã vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển; kết quả rà soát, thống kê thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030; - Mục tiêu, đối tượng, phạm vi và các nhóm chính sách đặc thù thuộc Hợp phần thứ hai của Chương trình; - Nguyên tắc tích hợp nội dung đặc thù với các nội dung chung, tránh trùng lặp và bảo đảm ưu tiên đúng địa bàn, đúng đối tượng; - Yêu cầu tôn trọng bản sắc, ngôn ngữ, tri thức bản địa; phát huy vai trò của người có uy tín và bảo đảm sự tham gia thực chất của cộng đồng; - Những vấn đề cần lưu ý trong phối hợp liên ngành và tổ chức thực hiện Chương trình tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa bàn đặc biệt khó khăn.	Sở Nội vụ
1.5	CĐ-05: Định hướng tiếp cận xây dựng xã nông thôn mới hiện đại và nông thôn mới cấp thôn, bản giai đoạn 2026 - 2030	- Quan điểm xây dựng xã NTM hiện đại và Quy định khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại giai đoạn 2026 - 2030: các yêu cầu về hạ tầng số, năng lượng mới/tái tạo, nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số, an sinh xã hội, môi trường, văn hóa và an ninh trật tự; - Vai trò, trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc cụ thể hóa tiêu chí, lựa chọn xã thí điểm, bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện, đánh giá và rút kinh nghiệm; vai trò, trách nhiệm của UBND các xã được chọn thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại; - Sự cần thiết của xây dựng NTM cấp thôn, bản trong bối cảnh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nhất là ở vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN; - Nguyên tắc xây dựng NTM cấp thôn, bản: lấy người dân làm trung tâm; phát huy nội lực, bản sắc văn hóa và năng lực tự quản cộng đồng; - Một số định hướng nội dung trọng tâm về xây dựng tiêu chí thôn NTM: điều kiện sống cơ bản và hạ tầng thiết yếu; sinh kế, an sinh; môi trường, văn hóa; tự quản cộng đồng và mức độ hài lòng của người dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
1.6	CD-06: Cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030	- Một số nội dung trọng tâm của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; - Nguyên tắc quản lý, phân cấp, phân quyền, phối hợp liên ngành và trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện Chương trình; - Vai trò, trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư; - Quy trình lập, giao, điều chỉnh, triển khai kế hoạch 05 năm, hằng năm; quản lý, lồng ghép, sử dụng nguồn lực bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tránh trùng lặp, dàn trải, lãng phí; - Cơ chế tổ chức thực hiện các nội dung trọng tâm ở cơ sở; công tác nâng cao năng lực, truyền thông, công khai thông tin, theo dõi, kiểm tra, giám sát cộng đồng, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình. - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 3.1, 3.6, 3.9, 3.10 (về khu công nghiệp) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Tài chính
1.7	CD-07: Theo dõi, đánh giá, báo cáo, kiểm tra, giám sát và quản lý dữ liệu Chương trình	- Khung theo dõi, đánh giá; hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu, chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất và trách nhiệm cập nhật dữ liệu của từng cấp; - Thu thập, kiểm tra, chuẩn hóa, lưu trữ số liệu và hồ sơ minh chứng; kết nối cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình với các hệ thống liên quan; - Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn lực; nhận diện rủi ro, chậm tiến độ và đề xuất biện pháp điều chỉnh; - Giám sát của cộng đồng, phản biện xã hội và lấy ý kiến người dân; sử dụng phản hồi để nâng cao chất lượng thực hiện; - Công khai kết quả, bảo đảm chất lượng dữ liệu và sử dụng thông tin theo dõi, đánh giá trong chỉ đạo, điều hành.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	NHÓM CHUYÊN ĐỀ GẮN VỚI CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030		
2.1	CD-08: Quy hoạch, giao thông, nhà ở và quản lý, vận hành hạ tầng nông thôn	- Lập, phê duyệt, công bố và quản lý quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết; quy chế quản lý kiến trúc và GIS hóa quy hoạch; - Phát triển, bảo trì giao thông nông thôn, kết nối liên xã, liên thôn; yêu cầu kỹ thuật, an toàn, cây xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; - Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, phù hợp văn hóa địa phương và thích ứng rủi ro thiên tai; - Quản lý, vận hành, bảo trì công trình sau đầu tư; tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng bền vững;	Sở Xây dựng

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
		- Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 2.1, 6.2, 8.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	
2.2	CD-09: Điện nông thôn và phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo	- Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và bảo đảm mỹ quan; - Quản lý vận hành, bảo trì, bảo đảm an toàn điện và chất lượng cung cấp điện tại khu vực nông thôn; - Khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo phù hợp điều kiện địa phương và yêu cầu xây dựng xã NTM hiện đại; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá nội dung tiêu chí 2.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Công Thương
2.3	CD-10: Hạ tầng thương mại, logistics, thương mại điện tử, xúc tiến và tiêu thụ nông sản	- Phát triển chợ, điểm bán lẻ và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn phù hợp quy hoạch, nhu cầu dân cư và vùng sản xuất; - Phát triển hạ tầng logistics, kho bãi, vận chuyển và kết nối chuỗi cung ứng nông sản; - Đa dạng hóa kênh phân phối, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu; - Ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số và truy xuất thông tin trong quảng bá, giao dịch và tiêu thụ sản phẩm; - Ưu tiên hỗ trợ sản phẩm, chủ thể tại vùng DTTS&MN, biên giới và hải đảo; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 2.5, 3.10 (về cụm công nghiệp), 7.3 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Công Thương
2.4	CD-11: Phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái, vùng nguyên liệu và khuyến nông cộng đồng	- Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sinh thái, xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu và tích hợp đa giá trị; - Xây dựng vùng nguyên liệu cây trồng, vật nuôi, thủy sản đạt tiêu chuẩn; quản lý mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói và truy xuất nguồn gốc; - Phát triển nông, lâm nghiệp bền vững tại vùng đồng bào DTTS&MN; Quản lý rừng bền vững, bảo vệ, phục hồi, phát triển rừng sản xuất gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng và sinh kế dưới tán rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính. - Tổ chức khuyến nông cộng đồng, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ số, thực hành nông nghiệp tốt và quản lý rủi ro sản xuất; - Bồi dưỡng đội ngũ nông dân chuyên nghiệp có tri thức, tay nghề, năng lực kinh doanh và trách nhiệm với môi trường, cộng đồng. - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 3.2, 3.3, 3.7 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
2.5	CD-12: Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị và đàm phán hợp đồng	- Cùng cố, phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại; nâng cao năng lực quản trị, tài chính, dịch vụ và chuyển đổi số; - Tổ chức liên kết giữa hộ dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhà khoa học và thị trường; xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích và rủi ro; - Hỗ trợ hợp tác xã tham gia vùng nguyên liệu, chế biến, thương mại điện tử, OCOP và cung ứng dịch vụ đầu vào - đầu ra; - Phân tích chuỗi giá trị, xác định nhu cầu liên kết, lựa chọn đối tác và xây dựng phương án liên kết sản xuất, kinh doanh; - Kỹ năng chuẩn bị, đàm phán, ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.6	CD-13: Phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, ngành nghề, làng nghề và khu vực sản xuất, dịch vụ nông thôn	- Phát triển, đánh giá, phân hạng, quản lý chất lượng và nâng hạng sản phẩm OCOP; nâng cao năng lực chủ thể, thương hiệu, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc và thị trường; - Phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với OCOP, làng nghề, văn hóa bản địa và bảo tồn thiên nhiên; - Phát triển sản phẩm OCOP từ lâm sản, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu; phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với rừng, cảnh quan tự nhiên, văn hóa bản địa và bảo tồn thiên nhiên, góp phần nâng cao giá trị tài nguyên rừng và tạo sinh kế cho người dân; - Phát triển ngành nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp; bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng xanh, bền vững; - Quy hoạch, phát triển và quản lý khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; kiểm soát môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 3.4, 3.5, 3.10 (về làng nghề) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.7	CD-14: Phát triển sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất và tín dụng chính sách xã hội	- Khảo sát, lựa chọn và thiết kế mô hình sinh kế phù hợp điều kiện tự nhiên, văn hóa, thị trường và năng lực của hộ, cộng đồng; phát triển sinh kế gắn với bảo vệ và phát triển rừng, tập trung vào lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng, nông lâm kết hợp; - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và nhóm dễ bị tổn thương; - Tổ chức thực hiện dự án, mô hình theo chuỗi giá trị, dựa vào cộng đồng hoặc theo nhóm hộ; xác định rõ đối tượng, mức hỗ trợ và trách nhiệm tham gia; - Các chương trình tín dụng chính sách; quy trình tiếp cận, bình xét, giải ngân, quản lý và sử dụng vốn vay; Gắn tín dụng với phương án sinh kế khả thi, tư vấn kỹ thuật, quản lý tài chính hộ, kết nối thị trường và phòng ngừa rủi ro; - Theo dõi kết quả, hiệu quả, trách nhiệm hoàn trả, khả năng nhân rộng và tính bền vững của mô hình sinh kế.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (<i>tín dụng chính sách xã hội</i>).

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
2.8	CĐ-15: Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ Chương trình	- Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; - Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao, ứng dụng và nhân rộng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; - Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; duy trì điểm phục vụ bưu chính công cộng và chính quyền số; nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân; - Số hóa, kết nối và khai thác dữ liệu về nông nghiệp và môi trường phục vụ quản lý, sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; - Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS), viễn thám, thiết bị bay không người lái (UAV) và các nền tảng số trong quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, theo dõi phục hồi rừng và quản lý các mô hình phát triển lâm nghiệp; - Hướng dẫn xây dựng mô hình “thôn thông minh”; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 2.6, 7.1, 7.2, 7.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ xây dựng NTM...; Số hóa, kết nối và khai thác dữ liệu...; nội dung tiêu chí 7.2</i>). - Sở Khoa học và Công nghệ (<i>Đẩy mạnh CDS...; Phát triển hạ tầng số...; thôn thông minh; các nội dung tiêu chí 2.6, 7.1, 7.4</i>).
2.9	CĐ-16: Bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, nước thải và xây dựng cảnh quan nông thôn	- Phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giảm chôn lấp trực tiếp và rác thải nhựa; - Quản lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo kinh tế tuần hoàn; kiểm soát ô nhiễm cơ sở sản xuất, kinh doanh và làng nghề; - Thoát nước, thu gom và xử lý nước thải khu dân cư; cải thiện chất lượng ao, hồ, kênh mương và tăng cường giám sát môi trường cộng đồng; - Xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn; bảo tồn không gian làng quê và duy trì mô hình tự quản môi trường; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 8.1, 8.2, 8.3, 8.5 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.10	CĐ-17: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Chương trình	- Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia; phát huy dân chủ, vai trò chủ thể của người dân; tổ chức lấy ý kiến, giám sát và phản biện xã hội; - Triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua; xây dựng khối đại đoàn kết, mô hình khu dân cư và cộng đồng tự quản; - Phát huy vai trò của Hội Nông dân các cấp trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; phong trào cán bộ, hội viên nông dân tham gia phát triển kinh tế tập thể; tuyên truyền, vận động, tư vấn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn; - Phát huy vai trò Hội Liên hiệp Phụ nữ trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, xây dựng gia đình và giải quyết vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em;	- Ủy ban MTTQVN thành phố (<i>Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia...; Triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua...</i>). - Hội Nông dân thành phố (<i>Phát huy vai trò Hội Nông dân...; nội dung tiêu chí 3.8</i>).

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
		- Phát huy vai trò Đoàn Thanh niên trong khởi nghiệp, chuyển đổi số, tình nguyện bảo vệ môi trường, an sinh xã hội và xây dựng NTM; - Hướng dẫn thực hiện và rà soát, đánh giá các nội dung tiêu chí 3.8, 6.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030.	- Hội LHPN thành phố (<i>Phát huy vai trò Hội Liên hiệp Phụ nữ...; nội dung tiêu chí 6.4</i>). - Thành đoàn (<i>Phát huy vai trò Đoàn Thanh niên...</i>).
3	NHÓM CHUYÊN ĐỀ KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH		
3.1	CĐ-18: Lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng	- Nguyên tắc lập kế hoạch có sự tham gia: công khai, dân chủ, bình đẳng giới, lấy người dân và cộng đồng làm chủ thể; - Vận dụng phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực (ABCD) để nhận diện tài sản, nguồn lực và cơ hội của cộng đồng; - Tổ chức tham vấn, xác định vấn đề và ưu tiên, lựa chọn hoạt động, phân công trách nhiệm, huy động nguồn lực và xây dựng chỉ số theo dõi; - Kỹ năng tổ chức họp dân, truyền cảm hứng, vận động, tạo đồng thuận và duy trì sự tham gia của người dân; - Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, điều hành nhóm, làm việc với các bên liên quan và tổ chức tự quản cộng đồng; - Thực hành xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cấp xã, thôn bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng giới và tôn trọng bản sắc.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.2	CĐ-19: Kỹ năng, nghiệp vụ về phát triển cộng đồng trong thực hiện Chương trình	- Phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế nông thôn; - Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường nông thôn; - Phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển văn hoá - xã hội nông thôn; - Phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát, kiểm tra thực hiện Chương trình.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.3	CĐ-20: Kỹ năng truyền thông, truyền thông số và xử lý thông tin trong thực hiện Chương trình	- Phân tích đối tượng, hành vi, rào cản và kênh truyền thông; xác định mục tiêu và thông điệp truyền thông; - Xây dựng kế hoạch, sản phẩm và nội dung truyền thông phù hợp từng nhóm dân cư, ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện địa bàn; - Kỹ năng truyền thông trực tiếp, truyền thông nhóm, truyền thanh cơ sở, làm việc với báo chí và truyền thông số; - Ứng dụng công nghệ, mạng xã hội và dữ liệu trong tổ chức chiến dịch truyền thông và tương tác với người dân;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã, tên chuyên đề	Nội dung chính	Cơ quan/đơn vị chủ trì
		- Theo dõi, đánh giá hiệu quả truyền thông; tăng cường tương tác hai chiều, tiếp nhận phản hồi và bảo đảm truyền tải chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình.	
3.4	CĐ-21: Truyền thông, phát huy vai trò của người có uy tín, quản lý dữ liệu và thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc tôn giáo; - Tổ chức truyền thông, vận động cộng đồng phù hợp ngôn ngữ, văn hóa, điều kiện tiếp cận thông tin và đặc thù địa bàn; - Xây dựng, duy trì và khai thác hệ thống dữ liệu theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN và nhóm dân tộc đặc thù; - Thực hiện thông tin đối ngoại, nhất là tại khu vực biên giới; cung cấp thông tin chính xác và phòng ngừa thông tin sai lệch; - Phối hợp, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật, chất lượng thông tin.	Sở Nội vụ

Lưu ý: Danh mục chuyên đề này là định hướng ưu tiên của thành phố Huế trong giai đoạn 2026 - 2030. Hằng năm, căn cứ kết quả rà soát nhu cầu của các sở, ban, ngành, địa phương; nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình và khả năng cân đối nguồn lực, UBND thành phố quyết định lựa chọn các chuyên đề cụ thể để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn. Một chuyên đề có thể được tổ chức nhiều lần trong giai đoạn cho các nhóm đối tượng khác nhau hoặc để cập nhật nội dung theo quy định mới.